TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-12-2022
V/v "*Tranh chấp ly hôn - Không công nhận quan hệ vợ cHng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Lê Thị Tuyết Mai**

2/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ* tham gia phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn – Không công nhận quan hệ vợ cHng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Diệu H**, sinh năm 1974 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

HKTT: khu vực H, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Mai Văn H**, sinh năm 1970 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

HKTT: khu vực H, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Đỗ Thị Diệu H trình bày:

Bà H và ông H chung sống vào năm 1995, sau đó tổ chức lễ cưới vào năm 1996 trên cơ sở mai mối nhưng giữa bà H và ông H không có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Bà H và ông H sống hạnh phúc được hơn 18 năm thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ cHng bất đồng quan điểm, vợ cHng cự cải, không hợp nhau. Nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà H được ly hôn với ông Mai Văn H (Không công nhận quan hệ vợ cHng giữa bà H và ông Mai Văn H).

+ Về con chung: có 02 con chung Mai Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 07/5/2000; Mai Thị Thúy N (nữ); sinh ngày 03/11/2001. Hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn trình bày:*

Ông H thống nhất với trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ông và bà H chung sống vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sống hạnh phúc được hơn 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ cHng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, mâu thuẫn về kinh tế. Ông và bà H đã ly thân hơn 02 năm nay. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông H có ý kiến như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông H đồng ý ly hôn với bà Đỗ Thị Diệu H (Không công nhận quan hệ vợ cHng giữa ông H và bà Đỗ Thị Thu H).

+ Về con chung: có 02 con chung Mai Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 07/5/2000; Mai Thị Thúy N (nữ); sinh ngày 03/11/2001. Hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Vụ án được hòa giải nhưng không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt và nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn và bị đơn có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong H sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà H đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong H sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Ông Mai Văn H và bà Đỗ Thị Diệu H chung sống như vợ cHng vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn, việc Bà H và ông H chung sống là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống, bà H và ông H phát sinh mâu thuẫn, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ cHng với ông H nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*", tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Diệu H và ông Mai Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt nguyên đơn và bị đơn) theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà H và ông H tuy tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn nhưng hôn nhân của bà H và ông H được xác lập năm 1995 và cho đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó cần căn cứ quy định tại khoản 4 điều 3 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 để không công nhận quan hệ vợ cHng của bà H, ông H. Xét thấy, giữa bà H và ông H có thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 18 năm. Tuy nhiên, đến năm 2019 mâu thuẫn phát sinh, vợ cHng thường xuyên cự cãi, cả hai đã ly thân từ đó đến nay đã hơn 02 năm. Hiện tại, cả hai không muốn duy trì mối quan hệ sống chung. Ngoài ra, tại phiên hòa giải thì ông H cũng đồng ý ly hôn với bà H, điều này chứng tỏ ông H cũng không tha thiết níu kéo mối hôn nhân này, do vậy bà H yêu cầu không công nhận mối quan hệ vợ cHng giữa bà với ông H là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật nghĩ nên chấp nhận yêu cầu này của bà H, không công nhận mối quan hệ vợ cHng giữa bà với ông H.

[4] *Về con chung*: có 02 con chung Mai Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 07/5/2000; Mai Thị Thúy N (nữ); sinh ngày 03/11/2001. Hiện tại hai con đã trưởng thành cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung*: Nguyên đơn và bị đơn khai không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Diệu H về không công nhận quan hệ vợ cHng với ông Mai Văn H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ cHng giữa bà Đỗ Thị Diệu H và ông Mai Văn H.

2. *Về con chung*: có 02 con chung Mai Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 07/5/2000; Mai Thị Thúy N (nữ); sinh ngày 03/11/2001. Hiện tại hai con đã trưởng thành cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về nợ chung*: Nguyên đơn và bị đơn khai không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Đỗ Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp, theo biên lai thu số 0008685 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà H đã nộp xong án phí.

6. *Quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. C;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu H sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến